

Số: 2372/KH-UBND

Bình Dương, ngày 23 tháng 5 năm 2019

### **KẾ HOẠCH**

#### **Xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2021**

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định công tác quản lý tài chính đối với việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu;

Căn cứ Công văn số 419/BKHCN-TĐC ngày 21/02/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương,

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động và cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn tỉnh với những nội dung sau:



# **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

## **1. Mục đích**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 4109/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia và Công văn số 419/BKHHCN-TĐC ngày 21/02/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính.

- Chuyển đổi HTQLCL từ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đang áp dụng tại các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Bình Dương sang HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Áp dụng phiên bản phù hợp HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hệ thống hóa quy trình xử lý công việc hợp lý, khoa học, phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; hướng tới xây dựng chính quyền kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả.

## **2. Yêu cầu**

- Thủ trưởng các cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, quán triệt đầy đủ các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ (hoặc Bộ, ngành Trung ương) và tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để chỉ đạo thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình.

- HTQLCL phải bao gồm toàn bộ các hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo danh mục thủ tục hành chính của từng cơ quan, tổ chức và phải được cập nhật kịp thời.

- Nghiên cứu, áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng và duy trì HTQLCL.

- Bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các đơn vị, cán bộ, công chức có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL.

# **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

## **1. Phạm vi**

Áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, bao



tổ chức so với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Đào tạo đội ngũ chuyên gia đánh giá nội bộ;

b) Lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng, chuyển đổi áp dụng phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

c) Rà soát lại thành phần Ban chỉ đạo ISO;

d) Đào tạo cách thức xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

đ) Xây dựng và cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp. Việc xây dựng, cập nhật HTQLCL cần căn cứ vào thực trạng tình hình áp dụng HTQLCL của cơ quan, tổ chức và các nội dung yêu cầu trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

e) Phổ biến, hướng dẫn, áp dụng HTQLCL trên thực tế đã xây dựng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

g) Thực hiện đánh giá nội bộ, hành động khắc phục và tiến hành xem xét của Lãnh đạo, cải tiến HTQLCL;

h) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải xác nhận hiệu lực của HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

i) Công bố HTQLCL phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến HTQLCL theo quy định;

### 1.3 Tổ chức kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện (các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL các Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL các cơ quan, tổ chức trực thuộc.

Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan ngành dọc có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ hằng năm (trước ngày 01/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Tần suất kiểm tra: Tối thiểu 1/3 số cơ quan bắt buộc áp dụng TCVN ISO 9001:2015 phải được kiểm tra tại trụ sở cơ quan với tần suất tối thiểu 01 năm/01 lần và các cơ quan bắt buộc áp dụng TCVN ISO 9001:2015 còn lại phải được kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo theo kế hoạch hoặc đột xuất khi có yêu cầu.



Trong trường hợp cần thiết, có thể thuê tổ chức chứng nhận phối hợp kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền kiểm tra, nhằm đánh giá một cách có hệ thống, khách quan để xác định mức độ phù hợp đối với các yêu cầu được quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

## 2. Thời gian thực hiện:

Đến tháng 12/2020, 100% các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành chuyển đổi và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

*(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo).*

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối với các cơ quan, tổ chức lần đầu xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Áp dụng theo nội dung chi và mức chi quy định cho đơn vị thực hiện xây dựng, áp dụng HTQLCL lần đầu tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định công tác quản lý tài chính đối với việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức chuyển đổi áp dụng từ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, thực hiện theo các nội dung sau:

a) Đối với hoạt động đào tạo để thực hiện việc chuyển đổi: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Đối với hoạt động liên quan đến đánh giá thực trạng, xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện đánh giá nội bộ, cải tiến HTQLCL: Áp dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính.

3. Thuê tổ chức chứng nhận để phối hợp kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến, mở rộng và hoàn thiện HTQLCL: Áp dụng theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính.

4. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào các văn bản, chế độ, chính sách quy định hiện hành xây dựng dự toán kinh phí nội dung chuyển đổi, áp dụng, duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và tổng hợp chung vào dự toán của ngành mình gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và tham mưu bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý được nêu tại điểm c, khoản 2, Mục II của Kế hoạch này và các đơn vị trực thuộc của đơn vị mình (nếu có) tự trang trải kinh phí thực hiện việc chuyển đổi hoặc áp dụng, duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định của ngành.

*(Chi tiết kinh phí thực hiện theo phụ lục II)*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp với quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL của các cơ quan, tổ chức theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh đối với các Sở, Ban, ngành còn yếu kém, chưa thực hiện tốt việc áp dụng HTQLCL trong hoạt động theo quy định. Đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các cơ quan, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

- Phối hợp với Sở Tài chính dự trù kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính gắn với kiểm tra ISO hành chính công và tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

### **2. Sở Tài chính**

Căn cứ vào các quy định hiện hành, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan hướng dẫn việc xây dựng dự toán nội dung chuyển đổi, áp dụng, duy trì, mở rộng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Tham mưu bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện nội dung trên theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành; Phối hợp kiểm tra việc thực hiện HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

### **3. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính gắn với ISO hành chính công hàng năm.

#### **4. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

- Tổ chức các lớp đào tạo về xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL và nghiệp vụ kiểm tra cho cán bộ, công chức, tại các cơ quan, tổ chức.

- Hàng năm, giúp Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL gắn liền với công tác kiểm tra cải cách hành chính.

- Cung cấp thông tin về các tổ chức tư vấn, cơ sở đào tạo đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đào tạo theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp trong quá trình thực hiện.

#### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống Đài Truyền thanh cấp huyện, hệ thống thông tin cơ sở tập trung tuyên truyền nội dung, tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

#### **6. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Đảm bảo nguồn nhân lực để tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại Ủy ban nhân dân cấp huyện theo kế hoạch.

- Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách địa phương cho các Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chuyển đổi, xây dựng, áp dụng HTQLCL trong địa bàn quản lý của cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện việc xây dựng, áp dụng, duy trì, chuyển đổi và mở rộng theo kế hoạch, thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện việc xây dựng, chuyển đổi cho Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo:

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, cập nhật và tổng hợp thủ tục hành chính để áp dụng theo quy trình TCVN ISO 9001:2015.

+ Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và Kế hoạch này.

#### **7. Ủy ban nhân dân cấp xã**

Tổ chức triển khai thực hiện việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng HTQLCL tại cơ quan theo kế hoạch.

#### **8. Thủ trưởng các đơn vị thực hiện HTQLCL**

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền cấp trên về hiệu lực, hiệu quả của HTQLCL.

- Cập nhật HTQLCL khi có thay đổi quy định về thủ tục hành chính và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy.

- Mở rộng phạm vi áp dụng bao gồm tất cả các nhiệm vụ được giao vào HTQLCL. Khuyến khích xây dựng và áp dụng HTQLCL đối với các hoạt động nội bộ, hoạt động khác của cơ quan.

- Lập dự toán hàng năm để xây dựng, áp dụng, duy trì, mở rộng HTQLCL.

- Phối hợp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong việc lựa chọn tổ chức tư vấn, đào tạo được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đào tạo theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Báo cáo tình hình thực hiện HTQLCL theo định kỳ vào **01/12** hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi về Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để tổng hợp, tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, các đơn vị có ý kiến phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành<sup>(20)</sup>;
- Công an tỉnh;
- Các đơn vị ngành dọc;
- NHNN tỉnh, NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo BD, Đài PTTH BD, Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP, Dg, HCTC, TH;
- Lưu: VT. 45

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Minh Hưng**



**Phụ lục I**

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN XÂY DỰNG, ÁP DỤNG,  
CHUYỂN ĐỔI VÀ MỞ RỘNG HTQLCL THEO  
TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2372/KH-UBND ngày 23/.../5.../2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên đơn vị	Thời gian thực hiện (Chậm nhất)		Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2020	
1	Văn phòng UBND tỉnh	X		
<b>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>				
2	Thanh tra tỉnh	X		
3	Sở Công thương	Đã áp dụng TCVN ISO 9001:2015		
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	X		
5	Sở Giao thông Vận tải	X		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	X		
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	X		
9	Sở Ngoại vụ	X		
10	Sở Nội vụ	X		
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	X		
12	Sở Tài chính	X		
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	X		
14	Sở Thông tin và Truyền thông	X		
15	Sở Tư pháp	X		
16	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		X	
17	Sở Xây dựng	X		
18	Sở Y tế	X		
19	BQL các Khu công nghiệp	X		
20	BQL KCN Việt Nam - Singapore	X		
<b>Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở</b>				
21	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất	X		

	lượng			
22	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản		X	
23	Chi cục Phát triển Nông thôn		X	
24	Chi cục Thủy lợi		X	
25	Chi cục Bảo vệ Thực vật		X	
26	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản		X	
27	Chi cục Kiểm lâm		X	
28	Chi cục Bảo vệ Môi trường (Sở TN&MT)	X		<b>Chưa áp dụng HTQLCL</b>
29	Văn phòng Đăng ký đất đai	X		
30	Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm (Sở Y tế)	X		
	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>			
31	UBND TP. Thủ Dầu Một	X		
32	UBND thị xã Dĩ An	X		
33	UBND thị xã Thuận An	X		
34	UBND thị xã Bến Cát	X		
35	UBND thị xã Tân Uyên	X		
36	UBND huyện Phú Giáo	X		
37	UBND huyện Dầu Tiếng	X		
38	UBND huyện Bắc Tân Uyên		X	
39	UBND huyện Bàu Bàng	X		
<b>UBND các xã, phường, thị trấn</b>				
	<b>UBND các phường thuộc thành phố Thủ Dầu Một</b>			
40	Phường Chánh Mỹ		X	
41	Phường Chánh Nghĩa		X	
42	Phường Định Hòa		X	
43	Phường Hiệp An		X	
44	Phường Hiệp Thành		X	
45	Phường Hòa Phú		X	
46	Phường Phú Cường	Đã áp dụng TCVN ISO 9001:2015		
47	Phường Phú Hòa		X	

48	Phường Phú Lợi		X	
49	Phường Phú Mỹ		X	
50	Phường Phú Tân		X	
51	Phường Phú Thọ		X	
52	Phường Tân An		X	
53	Phường Tương Bình Hiệp		X	
<b>UBND các phường thuộc thị xã Dĩ An</b>				
54	Phường An Bình		X	
55	Phường Bình An		X	
56	Phường Bình Thắng		X	
57	Phường Dĩ An		X	
58	Phường Đông Hòa		X	
59	Phường Tân Bình		X	
60	Phường Tân Đông Hiệp		X	
<b>UBND các xã, phường thuộc thị xã Thuận An</b>				
61	Phường An Phú		X	
62	Phường An Thạnh		X	
63	Phường Bình Chuẩn		X	
64	Phường Bình Hòa		X	
65	Phường Bình Nhâm		X	
66	Phường Hưng Định		X	
67	Phường Lái Thiêu		X	
68	Phường Thuận Giao		X	
69	Phường Vĩnh Phú		X	
70	Xã An Sơn		X	
<b>UBND các phường thuộc thị xã Tân Uyên</b>				
71	Phường Khánh Bình		X	
72	Phường Tân Hiệp		X	
73	Phường Tân Phước Khánh		X	
74	Phường Thái Hòa		X	
75	Phường Thạnh Phước		X	
76	Phường Uyên Hưng		X	
77	Xã Bạch Đằng		X	

78	Xã Hội Nghĩa		X	
79	Xã Phú Chánh		X	
80	Xã Tân Vĩnh Hiệp		X	
81	Xã Thạnh Hội		X	
82	Xã Vĩnh Tân		X	
<b>UBND các xã, phường thuộc thị xã Bến Cát</b>				
83	Phường Chánh Phú Hòa		X	
84	Phường Hòa Lợi		X	
85	Phường Mỹ Phước		X	
86	Phường Tân Định		X	
87	Phường Thới Hòa		X	
88	Xã An Điền		X	
89	Xã An Tây		X	
90	Xã Phú An		X	
<b>UBND các xã thuộc huyện Dầu Tiếng</b>				
91	Thị trấn Dầu Tiếng		X	
92	Xã An Lập		X	
93	Xã Định An		X	
94	Xã Định Hiệp		X	
95	Xã Định Thành		X	
96	Xã Long Hòa		X	
97	Xã Minh Tân		X	
98	Xã Minh Hòa		X	
99	Xã Long Tân		X	
100	Xã Minh Thạnh		X	
101	Xã Thanh An		X	
102	Xã Thanh Tuyên		X	
<b>UBND các xã thuộc huyện Bắc Tân Uyên</b>				
103	Thị trấn Tân Thành		X	
104	Xã Bình Mỹ		X	
105	Xã Đất Cuốc	X		<b>Chưa áp dụng HTQLCL</b>
106	Xã Hiếu Liêm	X		
107	Xã Lạc An	X		

108	Xã Tân Bình	X		<b>Chưa áp dụng HTQLCL</b>
109	Xã Tân Định	X		
110	Xã Tân Lập	X		
111	Xã Tân Mỹ	X		
112	Xã Thường Tân	X		
<b>UBND các xã thuộc huyện Phú Giáo</b>				
113	Thị trấn Phước Vĩnh		X	
114	Xã Vĩnh Hòa		X	
115	Xã Tam Lập		X	
116	Xã An Bình		X	
117	Xã An Thái		X	
118	Xã Phước Sang		X	
119	Xã Tân Long		X	
120	Xã An Long		X	
121	Xã Phước Hòa		X	
122	Xã An Linh		X	
123	Xã Tân Hiệp		X	
<b>UBND các xã thuộc huyện Bàu Bàng</b>				
124	Xã Trừ Văn Thố		X	
125	Xã Cây Trường		X	
126	Xã Long Nguyên		X	
127	Xã Lai Hưng		X	
128	Xã Lai Uyên		X	
129	Xã Hưng Hòa		X	
130	Xã Tân Hưng		X	
<b>Các đơn vị thuộc ngành dọc</b>				
131	Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương		X	
132	Bảo hiểm xã hội TP TDM		X	
133	Bảo hiểm xã hội Thị xã Thuận An		X	
134	Bảo hiểm xã hội Thị xã Dĩ An		X	
135	Bảo hiểm xã hội Thị xã Tân Uyên		X	
136	Bảo hiểm xã hội Thị xã Bến Cát		X	
137	Bảo hiểm xã hội Huyện Phú Giáo		X	

138	Bảo hiểm xã hội huyện Dầu Tiếng		X	
139	Bảo hiểm xã hội huyện Bắc Tân Uyên		X	
140	Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng		X	
141	<b>Cục Thuế Bình Dương</b>		X	
142	Chi cục Thuế huyện Dầu Tiếng		X	
143	Chi cục Thuế huyện Phú Giáo		X	
144	Chi cục Thuế thị xã Thuận An		X	
145	Chi cục Thuế thị xã Dĩ An		X	
146	Chi cục Thuế TP. TDM		X	
147	Chi cục Thuế thị xã Tân Uyên		X	
148	Chi cục Thuế thị xã Bến Cát		X	
149	Chi cục Thuế huyện Bàu Bàng		X	
150	Chi cục Thuế huyện Bắc Tân Uyên		X	
151	<b>Kho Bạc Nhà Nước Bình Dương</b>		X	
152	Kho Bạc thị xã Bến Cát		X	
153	Kho Bạc huyện Dầu Tiếng		X	
154	Kho Bạc huyện Phú Giáo		X	
155	Kho Bạc thị xã Tân Uyên		X	
156	Kho Bạc thị xã Dĩ An		X	
157	Kho Bạc thị xã Thuận An		X	
158	Kho Bạc huyện Bắc Tân Uyên		X	
159	Kho Bạc huyện Bàu Bàng		X	
160	Cục Hải Quan Bình Dương		X	
161	Cục Quản lý Thị trường		X	
162	Toà án nhân dân tỉnh		X	
163	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.		X	

## **Phụ lục II**

# **DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, CHUYỂN ĐỔI VÀ MỞ RỘNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2272/KH-UBND ngày .22../.5../2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **1. Đối với Văn phòng UBND tỉnh**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL:  
Mức chi tối đa 30 triệu đồng.

- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 2 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/01 cơ quan.

*(theo quy định tại Điểm a, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 116/2015/TT-BTC)*

### **2. Đối với UBND cấp huyện và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL:  
Mức chi tối đa 25 triệu đồng/01 cơ quan.

- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 2 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/01 cơ quan.

*(theo quy định tại Điểm b, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 116/2015/TT-BTC)*

### **3. Đối với cấp Chi cục**

#### **a) Đối với cơ quan lần đầu xây dựng HTQLCL:**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL: Mức chi tối đa 33 triệu đồng/01 cơ quan.

- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 2 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/01 cơ quan.

#### **b) Đối với cơ quan xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL:  
Mức chi tối đa 20 triệu đồng/01 cơ quan.



- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 2 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 25 triệu đồng/01 cơ quan.

*(theo quy định tại Điểm c, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 116/2015/TT-BTC)*

#### **4. Đối với UBND cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập**

##### **a) Đối với cơ quan lần đầu xây dựng HTQLCL**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL: Mức chi tối đa 26,4 triệu đồng/01 cơ quan.

- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 1,6 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 32 triệu đồng/01 cơ quan.

##### **b) Đối với cơ quan xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL**

- Chi cho hoạt động thuê tư vấn xây dựng, mở rộng, chuyển đổi HTQLCL: Mức chi tối đa 16 triệu đồng/01 cơ quan.

- Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện: Mức chi tối đa xây dựng 01 quy trình xử lý công việc để áp dụng tại cơ quan là 1,6 triệu đồng/01 quy trình nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/01 cơ quan.

*(theo quy định tại Điểm d, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 116/2015/TT-BTC)*







**Phụ lục III**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO HỘI NGHỊ, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ,  
THUÊ TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN PHỐI HỢP KIỂM TRA HTQLCL  
THEO TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2372/KH-UBND ngày ..22../..5../2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Nội dung	Cơ sở tính			Thành tiền
		ĐVT	SL	Định mức	
<b>1</b>	<b>Chi tổ chức Hội nghị</b>				<b>20.300</b>
1.1	Báo cáo viên	Người	1	1.000	1.000
1.2	Hội trường	Ngày	1	3.500	3.500
1.3	Maket, âm thanh, ánh sáng	Bộ	1	2.000	2.000
1.4	Máy chiếu	Cái	1	500	500
1.5	Lễ tân, phục vụ	Người	5	100	500
1.6	Tài liệu	Bộ	150	40	6.000
1.7	In giấy mời	Cái	150	2	300
1.8	Nước uống	Người	150	30	4.500
1.9	Chi khác				2.000
<b>2</b>	<b>Học tập bồi dưỡng nghiệp vụ</b>				<b>17.580</b>
2.1	Tiền công tác phí (04 người x 150.000 đồng/người/ngày)	ngày	3	600	1.800
2.2	Xăng xe: 16 lít/100 km x (20.000 đồng/ lít)	Lượt (40 km)	6	130	780
2.3	Phí đào tạo	Người	3	5.000	15.000
<b>3</b>	<b>Thuê tổ chức chứng nhận phối hợp kiểm tra</b>				<b>50.000</b>
3.1	Chi cho hoạt động thuê tổ chức chứng nhận để phối hợp kiểm tra hoạt động xây dựng, chuyên đổi, áp dụng, công bố và duy trì, cải tiến, mở rộng, hoàn thiện HTQLCL	Cơ quan	10	5.000	50.000